

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 202/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Phương Dung

2. Bà Hoàng Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1015/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/04/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1980 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Căn hộ 45 (cũ 44) nhà G2, phường TXT, quận TX, Thành phố H.

Tạm trú: 241/10 đường L, Phường L, Quận 1, Thành phố M

- Bị đơn: Ông Lưu Bách T, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Căn hộ 45 (cũ 44) nhà G2, phường TXT, quận TX, Thành phố H.

Tạm trú: 241/10 Đường L, Phường L, Quận 1, Thành phố M .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn ly hôn đề ngày 02/01/2019, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị P trình bày:*

Bà và ông Lưu Bách T chung sống năm 1999, đến năm 2001 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HB, quận DD, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, Quyền số I, ngày 20/3/2001; quá trình chung sống, hai bên có 02 con chung là Lưu Quỳnh A, sinh ngày 08/12/2000 và Lưu Thị TH, sinh ngày 19/5/2003.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà đã sống không hạnh phúc do hai bên bất đồng quan điểm sống, lối sống, trong cách nuôi dạy con cái, vợ chồng thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng vì con chưa đủ trưởng thành nên không có kết quả, nay các con đã lớn và đủ nhận thức, mâu thuẫn giữa bà và ông T vẫn không cải thiện được, ông T vẫn chứng nào tật đó cứ rượu bia vào là nói suốt ngày, suốt đêm làm cho bà không ngủ được, không có tinh thần để làm việc, bà nhận thấy không thể tiếp tục sống chung, hai bên đã sống ly thân 7 năm nay nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Hiện tại Lưu Quỳnh A, sinh ngày 08/12/2000 (đã trưởng thành) và cháu Lưu Thị TH, sinh ngày 19/5/2003 đang sống cùng với bà; khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu TH và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lưu Bách T tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được; tại bản khai ngày 14/3/2019 ông T không đồng ý ly hôn vì thấy không có gì quan trọng, trong trường hợp Tòa xử cho ly hôn ông đồng ý giao con Lưu Thị TH cho vợ trực tiếp nuôi, kinh tế hai bên tự thỏa thuận. Do ông rất bận công việc nên xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung:

Bà P yêu cầu ly hôn ông T do tính cách không phù hợp, không cùng quan điểm sống, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả; ông T không đồng ý ly hôn, nhưng không có mặt theo triệu tập của Tòa án. Căn cứ chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà P và ông T là không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà P là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc giao con chung Lưu Thị TH, sinh ngày 19/5/2003 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nguyện vọng của cháu H muốn được sống cùng với mẹ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà P về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Bà Phạm Thị P có đơn yêu cầu ly hôn ông Lưu Bách T, ông T cư trú tại Quận 1, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo bản khai đề ngày 14/3/2019 ông T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, xét thấy việc xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về pháp luật nội dung:

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị P, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Bà Phạm Thị P và ông Lưu Bách T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HB, quận DD, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, Quyền số I, ngày 20/3/2001 nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp; nay trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà P xin ly hôn với ông T.

Theo bà P trình bày vợ chồng phát sinh ngay từ khi kết hôn do bất đồng quan điểm sống, lối sống, trong cách nuôi dạy con cái, hai bên thiếu sự tôn trọng lẫn nhau nhưng vì con nên bà cố gắng hàn gắn nhưng hai bên vẫn không

tìm được tiếng nói chung, nay các con đã khôn lớn, bà nhận thấy không thể tiếp tục sống chung, hai bên đã sống ly thân 07 năm nay, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T. Ông T không đồng ý ly hôn vì cho rằng không có gì quan trọng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông T có ý kiến bằng văn bản không đồng ý ly hôn với bà P vì cho rằng không có gì quan trọng; tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần tạo điều kiện để hai bên hòa giải, giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng không đoàn tụ được do ông T vắng mặt không có lý do.

Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Xét, mâu thuẫn giữa bà P và ông T là có thật và hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của bà P xin ly hôn với ông T là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về yêu cầu được nuôi con của bà P:

Quá trình sống chung bà P và ông T có 02 con chung là Lưu Quỳnh A, sinh ngày 08/12/2000 và Lưu Thị TH, sinh ngày 19/5/2003; cháu Quỳnh A đã trưởng thành, đối với cháu TH bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng.

Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn:

“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Xét, Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con về phát triển thể chất, học hành và các điều kiện cho sự phát triển về tinh thần, theo nguyện vọng của cháu Th là được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, ông T cũng đồng ý giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, xét sự thỏa thuận của các bên là phù hợp với lợi ích của con, không làm xáo trộn sinh hoạt, cuộc sống hiện tại của con và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận; ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Không có.

[7] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Phạm Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- *Về hôn nhân*: Bà Phạm Thị P được ly hôn ông Lưu Bách T.

- *Về con chung*: Giao con chung Lưu Thị TH, sinh ngày 19/5/2003 cho bà Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023960 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Phạm Thị P có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Lưu Bách T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án Quận 1;
- UBND phường HB, quận DD, Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phụng